

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
KHOA KHOA HỌC ỨNG DỤNG
BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



BÀI TẬP THẢO LUẬN NHÓM
MÔN HỌC: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
MSMH: SP1037
HỌC KỲ 251 – NĂM HỌC 2025 – 2026

LỚP L04 – NHÓM 43

GVHD: TS. PHAN DUY ANH

Thành phố Hồ Chí Minh, Tháng 10/2025

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
KHOA KHOA HỌC ỨNG DỤNG
BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



CÂU HỎI:

PHÂN TÍCH CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN VÀ ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT ĐỂ XÂY DỰNG, CƯỜNG CỐ KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH. LÀM THẾ NÀO ĐỂ GIẢI QUYẾT HÀI HÒA CÁC LỢI ÍCH KHÁC BIỆT TRONG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT NÀY?

Các thành viên thực hiện đề tài:

STT	Họ và tên	MSSV	Ghi chú
1	Phùng Quang Viễn	2213936	
2	Nguyễn Quốc Việt	2213947	
3	Lê Thành Vinh	2151277	
4	Phạm Công Võ	2313946	
5	Hà Hoàng Vũ	2213990	
6	La Thế Vũ	2213993	
7	Đào Khánh Vy	2214022	Nhóm trưởng
8	Huỳnh Duy Khang	2211428	

Thành phố Hồ Chí Minh, Tháng 10/2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA – ĐHQG.HCM

KHOA KHOA HỌC ỨNG DỤNG

BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRI

BÁO CÁO KẾT QUẢ BÀI TẬP THẢO LUẬN NHÓM Ở NHÀ

MÔN HỌC: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

- **Giảng viên:** TS. Phan Duy Anh
- **Lớp:** L04
- **Nhóm:** 43

Câu hỏi số 2: Phân tích các nguyên tắc cơ bản và điều kiện tiên quyết để xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Làm thế nào để giải quyết hài hòa các lợi ích khác biệt trong khối đại đoàn kết này?

Đánh giá điểm các thành viên:

STT	MSSV	Họ và tên	Nhiệm vụ	Đánh giá %	Điểm	Ký nhận
1	2213936	Phùng Quang Viễn	Phần 1.1.	100%		
2	2213947	Nguyễn Quốc Việt	Phần 3.2.	100%		
3	2151277	Lê Thành Vinh	Phần 1.2.	100%		
4	2313946	Phạm Công Võ	Phần 2.1.	100%		
5	2213990	Hà Hoàng Vũ	Tổng hợp	100%		
6	2213993	La Thế Vũ	Phần 3.1.	100%		
7	2214022	Đào Khánh Vy	Phần 3.2.	100%		
8	2211428	Huỳnh Duy Khang	Phần 2.2.	100%		

MỤC LỤC

1. Điều kiện xây dựng để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.....	1
2. Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất.....	6
3. Làm thế nào để giải quyết hài hòa các lợi ích khác biệt trong khối đại đoàn kết này? ...	10
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	12

1. Điều kiện xây dựng để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Một là, phải lấy lợi ích chung làm điểm quy tụ, đồng thời tôn trọng các lợi ích khác biệt chính đáng.

Lịch sử dân tộc Việt Nam đã khẳng định đoàn kết là cội nguồn của mọi thắng lợi. Kế thừa truyền thống đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát triển tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc lên một tầm cao chiến lược, trong đó, nguyên tắc “lấy lợi ích chung làm điểm quy tụ, đồng thời tôn trọng các lợi ích khác biệt chính đáng” là kim chỉ nam cho mọi hành động.

Trước hết, tư tưởng Hồ Chí Minh xác định “lợi ích chung” chính là mẫu số chung để quy tụ sức mạnh toàn dân. Lợi ích chung tối cao và cụ thể nhất chính là Độc lập cho Tổ quốc, Tự do và Hạnh phúc cho nhân dân. Khi đất nước còn bị xâm lược, mục tiêu này có sức hiệu triệu mạnh mẽ, vượt lên trên mọi khác biệt về giai cấp, dân tộc hay tôn giáo. Người khẳng định: “nếu nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì”¹. Bằng việc xác định một mục tiêu thiêng liêng mà ai cũng hướng tới, Người đã tạo ra chất keo kết dính, biến sức mạnh của từng cá nhân thành sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc.

Tuy nhiên, để khối đoàn kết bền vững, việc chỉ nêu lợi ích chung là chưa đủ, mà phải đi đôi với việc “tôn trọng các lợi ích khác biệt chính đáng”. Đây chính là nghệ thuật hài hòa lợi ích, thể hiện chiều sâu trong tư tưởng của Người. Hồ Chí Minh hiểu rằng xã hội luôn tồn tại các nhóm người với những lợi ích riêng. Đoàn kết không có nghĩa là xóa bỏ hay phớt lờ lợi ích riêng, mà là tìm cách dung hòa, đảm bảo cho lợi ích riêng chính đáng của mỗi người, mỗi tầng lớp được thực hiện trong lòng lợi ích chung của dân tộc. Thời kháng chiến, Đảng ta đã kêu gọi toàn dân kháng chiến vì độc lập (lợi ích chung), đồng thời thực hiện các chính sách đảm bảo quyền lợi cho nông dân, công nhân, trí thức, tư sản dân tộc (lợi ích riêng), nhờ đó đã quy tụ được đông đảo các lực lượng xã hội.

Vận dụng trong bối cảnh ngày nay, nguyên tắc này càng mang ý nghĩa thời sự sâu sắc. “Lợi ích chung” hiện nay là xây dựng một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Các “lợi ích khác biệt” cũng trở nên đa dạng hơn: giữa người lao động và chủ doanh nghiệp, giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, giữa các vùng miền... Để hài hòa các lợi ích này, Nhà nước cần: Một là, xây dựng chính sách pháp luật công bằng, điều hòa lợi ích giữa các nhóm xã hội, đảm bảo tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường. Hai là, kiên quyết đấu tranh chống “lợi ích nhóm” tiêu cực, tham nhũng, vốn làm suy yếu khối đoàn kết và xói mòn lòng tin của nhân dân. Ba là, tăng cường đối thoại xã hội, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể để tiếng nói và lợi ích chính đáng của mọi tầng lớp nhân dân được lắng nghe và tôn trọng.

¹ <https://www.qdnd.vn/ho-so-su-kien/loi-bac-day-nam-xua/neu-nuoc-doc-lap-ma-dan-khong-huong-hanh-phuc-tu-do-thi-doc-lap-cung-chang-co-nghia-ly-gi-552118>

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh về việc lấy lợi ích chung làm nền tảng và khéo léo hài hòa các lợi ích riêng là bài học quý giá, là chìa khóa để củng cố và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay và mai sau.

Hai là, phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc.

Tiếp theo, đại đoàn kết toàn dân tộc là một trong những tư tưởng chiến lược, xuyên suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của cách mạng Việt Nam. Người từng khẳng định: “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công.*” Để xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh, trước hết cần có điều kiện nền tảng là kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, đoàn kết của dân tộc. Đó là một giá trị tinh thần vô giá đã được hun đúc qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Truyền thống ấy trở thành cội nguồn sức mạnh vô địch, giúp dân tộc Việt Nam vượt qua mọi thiên tai, giặc ngoại xâm, làm nên những chiến thắng vẻ vang, bảo vệ nền độc lập, tự do và bản sắc dân tộc.

Lợi ích chung của việc xây dựng khối đại đoàn kết chính là tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn dân. Đó cũng là “bức tường thành” vững chắc bảo vệ Tổ quốc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước. Mục đích cao nhất là vì độc lập, tự do, hạnh phúc của nhân dân. Vì một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Làm như vậy chính là thực hiện lợi ích không thuộc riêng một giai tầng hay nhóm người nào, mà là lợi ích của toàn thể dân tộc, hướng đến sự phồn vinh của đất nước và cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân.

Trong sự nghiệp này, chủ thể tham gia là toàn thể nhân dân Việt Nam. Đó không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giai cấp hay địa vị xã hội. Mỗi người dân đều là một hạt nhân của khối đại đoàn kết. Lực lượng lãnh đạo, định hướng và tổ chức thực hiện chính là Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân. Đồng thời là người đại diện trung thành cho lợi ích của toàn dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên... giữ vai trò quan trọng trong việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết, khơi dậy lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm của mỗi công dân.

Nếu như trong thời xưa, đại đoàn kết được biểu hiện qua tinh thần “toàn dân đánh giặc”, “nhiều điều phải lấy giá gương”, đoàn kết để giữ nước và chống ngoại xâm. Trong thời kỳ hội nhập và phát triển nay, đoàn kết lại là sức mạnh để xây dựng, đổi mới và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nếu trước kia, lợi ích chung là độc lập dân tộc, là giành lại non sông gấm vóc. Trong ngày nay, lợi ích ấy được cụ thể hóa bằng mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao đời sống nhân dân, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa. Như vậy, tinh thần đại đoàn kết vẫn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, nhưng nội dung và phương thức thể hiện đã phong phú, hiện đại và toàn diện hơn, phù hợp với yêu cầu của thời đại mới.

Ba là, phải có lòng khoan dung, độ lượng với con người.

Đây là một trong những điều kiện tiên quyết để xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, bởi chỉ khi biết chấp nhận và cảm hóa con người thì mới có thể huy động được sức mạnh to lớn từ toàn dân. Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhấn mạnh tinh thần này, đặc biệt trong “*Thư gửi đồng bào Nam Bộ*”, Người căn dặn: “*Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều hợp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhớ rằng đã là con lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít nhiều lòng ái quốc. Đối với đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ*”² (Hồ Chí Minh, 2011, tập 4, tr. 280–281). Những lời căn dặn ấy không chỉ là sự kêu gọi cảm thông, mà còn là một chiến lược chính trị - xã hội sâu sắc: nhìn thấy trong mỗi con người, dù từng sai lầm, vẫn còn phần thiện và khát vọng được đóng góp cho Tổ quốc. Lòng khoan dung vì vậy không phải là sự dễ dãi, càng không đồng nghĩa với bỏ qua trách nhiệm, mà là nghệ thuật dung hòa giữa giáo dục và kỷ luật, giữa cảm hóa và răn đe.

Vận dụng vào thực tiễn hôm nay, tinh thần khoan dung phải luôn gắn liền với nguyên tắc, tính minh bạch và cơ chế giám sát chặt chẽ. Chỉ khi đặt khoan dung trong khuôn khổ của pháp luật và trách nhiệm xã hội thì nó mới phát huy đúng giá trị, tránh bị hiểu lầm là “*buông lỏng xử lý*” hoặc bị một số đối tượng lợi dụng. Nhận thức rõ tầm quan trọng đó, Đảng ta trong *Nghị quyết số 43-NQ/TW năm 2023* đã nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện chủ trương, chính sách về đại đoàn kết toàn dân, đặc biệt đề cao việc “*tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, quyền làm chủ của nhân dân*”³. Điều này khẳng định rằng, khoan dung không chỉ dừng lại ở một phẩm chất đạo đức mang tính nhân văn, mà đã trở thành định hướng chiến lược trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc: vừa giữ vững kỷ cương và sự nghiêm minh của pháp luật, vừa nuôi dưỡng lòng tin, củng cố tinh cảm gắn bó và ý thức đồng hành của mọi tầng lớp nhân dân trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Trên thực tế, tinh thần khoan dung chỉ có ý nghĩa khi được thể hiện bằng những chính sách thiết thực và những hành động cụ thể, chứ không dừng lại ở khẩu hiệu. Đó là cơ chế hòa giải tại cơ sở để hóa giải mâu thuẫn ngay từ trong trứng nước; là các chương trình đào tạo nghề, tạo việc làm, tín dụng ưu đãi để nâng đỡ những người từng lầm lỡ; là chiến lược tái hòa nhập cộng đồng gắn với tư vấn tâm lý và hệ thống giám sát xã hội, giúp họ tìm lại niềm tin và khẳng định giá trị bản thân. Khi được trao cơ hội làm lại, những con người ấy không chỉ thoát khỏi mặc cảm mà còn có thể trở thành những nhân tố tích cực, góp phần củng cố niềm tin và sự gắn kết xã hội. Ở cấp địa phương - nơi mỗi gia đình, mỗi xóm làng trực tiếp cảm nhận chính sách - tinh thần khoan dung càng cần được cụ thể hóa bằng đội ngũ hòa giải viên am hiểu cả pháp luật lẫn tâm lý cộng đồng, bằng các diễn đàn đối thoại giữa dân và chính quyền, và bằng những lộ trình phục hồi rõ ràng từ giáo dục,

² Hồ Chí Minh. (2011). *Hồ Chí Minh toàn tập* (Tập 4). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

³ Ban Chấp hành Trung ương. (2023, 24 tháng 11). *Nghị quyết số 43-NQ/TW về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc*. Thư viện Pháp luật. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-quyet-43-NQ-TW-2023-truyen-thong-dai-doan-ket>

hỗ trợ sinh kế đến giám sát, đánh giá. Khi triển khai đúng hướng, những mô hình ấy không chỉ ngăn ngừa xung đột, giảm tái phạm mà quan trọng hơn, còn biến sự khác biệt về vùng miền, tôn giáo, giai tầng, chính kiến thành lợi thế; để rồi tất cả cùng hội tụ dưới mái chung của tinh thần nhân ái, lòng tự tôn dân tộc và khát vọng phát triển phồn vinh.

Để tinh thần khoan dung trở thành sức mạnh thực tiễn, cần sự phối hợp đồng bộ của nhiều chủ thể. Đảng giữ vai trò định hướng, lãnh đạo bằng đường lối và nguyên tắc; Nhà nước cụ thể hóa thành pháp luật, chính sách và bảo đảm nguồn lực; Mặt trận Tổ quốc cùng các tổ chức chính trị - xã hội làm “*cầu nối niềm tin*”, vận động, tập hợp và hỗ trợ quần chúng. Ở cấp cơ sở, chính quyền địa phương biến chủ trương thành hành động thiết thực như hòa giải, đối thoại dân - chính quyền, tái hòa nhập cộng đồng. Và trên hết, nhân dân vừa là trung tâm thụ hưởng, vừa là chủ thể thực hành khoan dung trong đời sống hằng ngày. Sự kết hợp nhịp nhàng từ trên xuống dưới và từ dưới lên trên ấy đã biến khoan dung thành chất keo gắn kết khối đại đoàn kết dân tộc.

Nếu như trong quá khứ, khoan dung tồn tại như một chuẩn mực đạo lý dân gian, được nuôi dưỡng bằng tình làng nghĩa xóm và sức mạnh uy tín của cộng đồng - nơi sai lầm được hóa giải bằng sự bao dung và lời khuyên răn chân thành - thì trong hiện tại, tinh thần ấy đã được nâng tầm thành một định hướng chiến lược, được cụ thể hóa bằng pháp luật và chính sách quốc gia. Khoan dung không còn dừng lại ở sự vị tha cá nhân, mà trở thành cơ chế để mỗi con người, dù từng vấp ngã, vẫn có cơ hội tái hòa nhập và khẳng định giá trị bản thân. Điều này được thể hiện rõ trong Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg, khi Nhà nước khẳng định: “*Người chấp hành xong án phạt tù được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội để tạo việc làm, phát triển sản xuất, kinh doanh*”⁴. Cùng với đó, Thông tư 10/2024/TT-BCA nhấn mạnh rằng chính quyền, công an các đơn vị, địa phương có trách nhiệm hướng dẫn, tạo điều kiện để người chấp hành xong án phạt tù được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, ổn định cuộc sống, phòng ngừa tái phạm. Thực tiễn cho thấy, nhiều người chấp hành xong án phạt tù, với sự hỗ trợ của chính quyền và nhân dân, đã có việc làm, ổn định cuộc sống, trở thành gương sáng trong cộng đồng. Như vậy, từ chỗ chỉ là ánh lửa nhân ái được gìn giữ trong đời sống làng xã, khoan dung ngày nay đã trở thành ánh sáng định hướng của thể chế, vừa bảo đảm kỷ cương xã hội, vừa nuôi dưỡng niềm tin, khẳng định giá trị nhân văn và sức mạnh bền chặt của khối đại đoàn kết dân tộc.

Như vậy, từ chỗ chỉ là một giá trị đạo lý thấm đẫm trong tình làng nghĩa xóm, tinh thần khoan dung đã được nâng lên thành định hướng chiến lược của quốc gia, được thể chế hóa bằng pháp luật, chính sách và những cơ chế bảo đảm cụ thể. Sự chuyển biến ấy không chỉ kế thừa truyền thống nhân ái nghìn đời của dân tộc, mà còn khẳng định bước tiến về tư duy chính trị - xã hội: khoan dung không còn là sự bao dung cá nhân, mà trở thành sức mạnh tập thể, mở lối cho những con người từng vấp ngã được tái hòa nhập, đóng góp trở lại cho cộng đồng. Chính sự hòa quyện

⁴ Thủ tướng Chính phủ. (2023, 17 tháng 8). *Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù*. Công thông tin Thư viện Pháp luật. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/Quyết-dinh-22-2023-QĐ-TTg-tin-dung-doi-voi-nguoi-chap-hanh-xong-an-phat-tu-576163.aspx>

giữa truyền thống và hiện đại, giữa đạo lý và thể chế đã làm cho khoan dung trở thành chất keo kết dính đặc biệt, vừa giữ nghiêm kỷ cương, vừa nuôi dưỡng tinh thần nhân văn, để khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng bền chặt, vững vàng trước mọi thử thách của thời đại.

Bốn là, phải có niềm tin vào nhân dân.

Niềm tin vào nhân dân là cách cầm quyền xác nhận nhân dân là chủ thể quyền lực và là nguồn gốc trí tuệ của chính sách. Tin dân nghĩa là mọi quyết định phải quay về lợi ích thiết thực của người dân, từ miếng cơm manh áo đến phẩm giá và tiếng nói trong đời sống công. Ở tầm vận hành, niềm tin không dừng ở thái độ mà trở thành nguyên tắc tổ chức: dân được cung cấp thông tin, được tham gia bàn bạc, được trực tiếp làm và được quyền kiểm tra, còn nhà nước phải giải trình trước những tiêu chuẩn do dân đặt ra.⁵

Mục đích của việc đặt niềm tin ấy là biến tinh thần đoàn kết thành năng lực quản trị thực tế. Khi người dân cảm thấy mình được tin cậy và có phần trong quyết sách, họ sẽ hợp tác để bảo vệ lợi ích chung, tự nguyện tuân thủ luật lệ, sẵn sàng chia sẻ nguồn lực và chấp nhận điều chỉnh lợi ích cục bộ⁶. Nhờ vậy, các khác biệt về tôn giáo, dân tộc, giai tầng hay nghề nghiệp không còn là rào cản mà trở thành nguồn đa dạng để bổ sung cho nhau, tạo nên đồng thuận xã hội bền vững.

Lý do phải làm như vậy xuất phát từ cả bài học lịch sử lẫn quy luật quản trị hiện đại. Mọi thắng lợi lớn của dân tộc đều khởi đầu từ khi lòng dân được quy tụ và ngược lại ngược lại, nơi nào thiếu niềm tin thì chính sách dễ sai lệch, giám sát xã hội suy yếu, tham nhũng và đặc quyền nảy sinh, khoảng cách niềm tin mở rộng và xung đột lợi ích bùng phát⁷. Niềm tin vì thế không phải khẩu hiệu đạo đức mà là điều kiện tiên quyết để chuyển xung đột tiềm ẩn thành quá trình thương lượng công bằng.

Chủ thể thực hiện gồm cả hai phía ràng buộc lẫn nhau. Phía lãnh đạo phải giữ vai trò dẫn dắt, tạo khuôn khổ pháp lý và các chuẩn mực giải trình, chủ động lắng nghe và chịu trách nhiệm trước kết quả. Hệ thống chính trị và các tổ chức xã hội đảm nhiệm công việc tổ chức sự tham gia, bảo vệ người góp ý, hoà giải xung đột ở cơ sở. Phía nhân dân là lực lượng trực tiếp tham gia, bằng tiếng nói, bằng hành động trong cộng đồng, bằng giám sát độc lập và bằng việc tôn trọng những quy tắc đã được chính mình chấp thuận. Khi hai phía cùng thực hiện đúng vai, niềm tin được chuyển thành năng lực phối hợp.

Cách làm thế nào để được coi là tin dân có thể nhìn trên bốn trục. Trục thông tin là công khai các dữ liệu về ngân sách, quy hoạch, tác động chính sách để người dân có cơ sở đánh giá. Trục tham gia là thiết kế quy trình tham vấn bắt buộc trước khi ban hành chính sách, mở cửa các hội nghị đối thoại định kỳ, áp dụng cơ chế trưng cầu ý kiến khi cần. Trục giám sát là thừa nhận quyền phản biện độc lập của mặt trận và các đoàn thể, khuyến khích báo chí và cộng đồng dân cư giám sát các dự án có ảnh hưởng tới sinh kế, bảo vệ người lên tiếng thiện chí. Trục bảo đảm lợi ích là

⁵ [Cổng thông tin điện tử Quốc hội](#)

⁶ [Cơ sở dữ liệu Luật Việt Nam - VietLaw](#)

⁷ [Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về “nước lấy dân làm gốc” vào xây dựng “thể trận lòng dân”, củng cố quốc phòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới - Media story - Tạp chí Cộng sản](#)

nhận diện nhóm bị tổn thương, tính chi phí bù đắp và cơ chế chia sẻ công bằng, nhờ đó quá trình điều chỉnh lợi ích có điểm đến cụ thể. Khi bốn trục này vận hành đồng bộ, niềm tin không chỉ là cảm xúc mà trở thành quy trình, nhờ vậy các lợi ích khác biệt có điểm gặp nhau trong lợi ích chung.

So với thời xưa, khi niềm tin chủ yếu biểu hiện ở tinh thần yêu nước, trong chiến tranh hay vận động cách mạng, thì ngày nay yêu cầu cao hơn nhiều vì bối cảnh kinh tế thị trường, hội nhập và chuyển đổi số tạo ra các nhóm lợi ích đa tầng và biến động nhanh. Niềm tin hiện đại phải gắn với công nghệ và phương pháp. Chính phủ mở trao quyền truy cập dữ liệu theo thời gian thực, ngân sách có sự tham gia giúp người dân cùng quyết định ưu tiên chi tiêu, quy hoạch đô thị và tái định cư phải có đánh giá tác động xã hội với tham vấn cộng đồng, khiếu nại và kiến nghị được xử lý qua nền tảng số minh bạch lộ trình. Nếu trước kia lòng dân được khơi dậy chủ yếu bằng hiệu triệu và nêu gương, thì hiện nay nó được duy trì bằng thiết kế thể chế tốt, bằng kỷ luật giải trình và bằng những cơ chế chia sẻ lợi ích đo đếm được.

Xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ bền vững khi bốn trụ cột được vận hành đồng thời và nâng đỡ lẫn nhau. Lợi ích chung phải làm điểm quy tụ, nhưng không phủ nhận hay xóa nhòa lợi ích khác biệt chính đáng mà lợi ích chung mở ra khuôn khổ để các nhóm gặp nhau trong mục tiêu phát triển của quốc gia. Truyền thống yêu nước, nhân nghĩa và đoàn kết tạo nên tinh thần cho khuôn khổ ấy, giúp cộng đồng có kỷ ức chung và chuẩn mực chung để vượt qua bất đồng. Khoan dung và độ lượng, đặt trong kỷ cương pháp luật và cơ chế đối thoại công bằng, biến xung đột tiềm ẩn thành thương lượng minh bạch, từ đó tạo lối ra danh dự cho mọi bên. Trên tất cả là niềm tin vào nhân dân, coi dân là chủ thể và là nơi phát sinh trí tuệ của chính sách, niềm tin được thể chế hóa bằng quyền được biết, được bàn, được tham gia thực hiện và được kiểm tra. Khi bốn yếu tố này cùng xuất hiện: mục tiêu chung rõ ràng, nền truyền thống vững, phương pháp khoan dung có nguyên tắc và niềm tin đi kèm cơ chế, đại đoàn kết không còn là khẩu hiệu mà trở thành năng lực quản trị cụ thể, đủ sức hài hòa lợi ích, khơi dậy nguồn lực xã hội và dẫn dắt phát triển trong bối cảnh mới

2. Nguyên tắc xây dựng và hoạt động của Mặt trận dân tộc thống nhất

Một là, phải xây dựng trên nền tảng liên minh công nhân – nông dân- trí thức và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Mặt trận Dân tộc Thống nhất cần được xây dựng và hoạt động trên cơ sở các nguyên tắc cốt lõi, trong đó nguyên tắc đầu tiên là phải được hình thành trên nền tảng liên minh công nhân - nông dân - trí thức và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hồ Chí Minh xác định mục đích chung của Mặt trận Dân tộc Thống nhất là nhằm tập hợp tới mức cao nhất lực lượng dân tộc vào khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo nên một khối đoàn kết chặt chẽ, có tổ chức trên nền tảng liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đây chính là nguyên tắc then chốt trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Người, từ đó mở rộng Mặt trận để thực sự quy tụ được toàn thể dân tộc, kết thành một khối vững chắc chống lại mọi thế lực thù địch. Người từng viết: “Lực lượng chủ yếu trong

khối đoàn kết dân tộc là công nông, cho nên liên minh công nông là nền tảng của Mặt trận Dân tộc Thống nhất”⁸. Người chỉ rõ rằng, sở dĩ phải lấy liên minh công nông làm nền tảng vì họ là những người trực tiếp sản xuất tất cả mọi tài phú làm cho xã hội sống, vì họ đông đảo nhất mà cũng bị áp bức, bóc lột nặng nề nhất, và vì chí khí cách mạng của họ chắc chắn, bền bỉ hơn của mọi tầng lớp khác⁹. Đồng thời, Người căn dặn không nên chỉ nhấn mạnh vai trò của công nông mà còn phải nhận thức rõ vai trò và sự cần thiết phải liên minh với các giai cấp khác, nhất là với đội ngũ trí thức – những người mang kiến thức, sáng tạo và khả năng lãnh đạo tinh thần – để liên minh trở nên toàn diện và vững mạnh hơn.

Đảng Cộng sản Việt Nam đóng vai trò kép trong Mặt trận: vừa là thành viên tham gia trực tiếp, vừa là lực lượng lãnh đạo cốt lõi, bởi Đảng không có lợi ích riêng mà gắn bó chặt chẽ với lợi ích toàn xã hội, toàn dân tộc. Khái niệm "lợi ích chung" ở đây được Hồ Chí Minh hiểu là lợi ích của toàn thể dân tộc và xã hội, không phải lợi ích riêng lẻ của bất kỳ cá nhân, giai cấp hay tổ chức nào, mà là sự gắn kết chặt chẽ giữa độc lập dân tộc, vì huy động và hoạt động của Mặt trận, nơi mọi nỗ lực đều hướng tới việc tập hợp lực lượng dân tộc rộng rãi nhất, tạo nên một khối đại đoàn kết vững chắc, vượt qua mọi chia rẽ để đấu tranh cho sự sống còn của đất nước. Mục đích của việc lấy lợi ích chung làm kim chỉ nam không chỉ dừng lại ở việc hình thành một tổ chức hình thức, mà nhằm biến Mặt trận thành công cụ thực sự quy tụ toàn dân, từ đó thúc đẩy cách mạng thành công bằng cách biến sức mạnh dân tộc thành động lực thay đổi lịch sử. Việc ưu tiên lợi ích chung xuất phát từ nhận thức sâu sắc của Hồ Chí Minh về thực tiễn cách mạng Việt Nam, nơi mà sự đoàn kết là yếu tố quyết định sống còn giữa bối cảnh bị thực dân, đế quốc áp bức. Nếu không lấy lợi ích chung làm nền tảng, Mặt trận dễ rơi vào tình trạng phân tán, bị lợi dụng bởi các thế lực thù địch hoặc nội bộ chia rẽ, dẫn đến thất bại trong cuộc đấu tranh giải phóng. Thay vào đó, bằng cách tập trung vào lợi ích toàn dân tộc, Mặt trận có thể mở rộng ảnh hưởng, kết nối các tầng lớp xã hội khác nhau – từ công nhân, nông dân đến trí thức và các giai cấp khác – thành một khối thống nhất, đảm bảo cách mạng không chỉ dừng ở lý thuyết mà thực sự gắn bó với đời sống nhân dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp để vượt qua mọi thử thách.

Về vai trò thực hiện, Đảng Cộng sản Việt Nam đóng vị trí lãnh đạo then chốt, vừa là thành viên tham gia trực tiếp vừa là lực lượng định hướng chiến lược, nhờ khả năng nắm bắt quy luật lịch sử và thực tiễn xã hội để vạch ra đường lối phù hợp. Đảng không đứng ngoài mà hòa quyện vào lợi ích chung, đảm bảo mọi quyết định đều phục vụ dân tộc chứ không phải lợi ích riêng, thể hiện qua việc lãnh đạo Mặt trận hoàn thành nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, kết hợp chặt chẽ độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Những người tham gia thực hiện chính là toàn thể nhân dân, với nền tảng cốt lõi là liên minh công nhân - nông dân - trí thức, được mở rộng ra các tầng lớp khác như tiểu tư sản, tư sản dân tộc và thậm chí một phần tôn giáo, dân tộc thiểu số, miễn là họ ủng hộ cách mạng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, công nông là lực lượng chủ

^{8 9} Hồ Chí Minh, *Sửa đổi lối làm việc*, NXB sự thật, Hà Nội, 1947.

yếu vì họ đông đảo, bị bóc lột nặng nề nhất và có ý chí cách mạng bền bỉ, nhưng không thể bỏ qua trí thức – những người mang kiến thức và sáng tạo – để liên minh trở nên toàn diện. Để được coi là thực sự lấy lợi ích chung làm nền tảng, hoạt động của Mặt trận phải diễn ra một cách dân chủ, minh bạch và gắn bó với thực tiễn, nơi mọi quyết định đều được thảo luận tập thể, ưu tiên giải quyết nhu cầu của đa số nhân dân, đồng thời chống lại mọi biểu hiện ích kỷ hoặc bè phái. Điều này thể hiện qua việc Đảng lãnh đạo bằng cách lắng nghe dân, điều chỉnh đường lối kịp thời, và Mặt trận hoạt động như một "cầu nối" để huy động sức mạnh toàn dân, từ đấu tranh vũ trang đến xây dựng kinh tế - xã hội.

So sánh với thời xưa – tức giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ dưới sự dẫn dắt trực tiếp của Hồ Chí Minh, khi Mặt trận chủ yếu tập trung vào chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, với lợi ích chung được cụ thể hóa qua các cuộc kháng chiến toàn dân, liên minh công nông trí thức là nền tảng sống còn để vượt qua nghèo đói, lạc hậu và chia rẽ nội bộ – thì thời nay, trong bối cảnh Việt Nam đã độc lập và đang hội nhập quốc tế, khái niệm lợi ích chung được mở rộng và thích ứng sâu sắc hơn. Mục đích vẫn là đại đoàn kết toàn dân tộc, nhưng nay nhấn mạnh vào phát triển kinh tế - xã hội bền vững, chống tham nhũng và bảo vệ chủ quyền biển đảo, giúp Mặt trận không chỉ là công cụ đấu tranh mà còn là nền tảng cho sự thịnh vượng chung. Bởi vì trong thời kỳ toàn cầu hóa, các thách thức như bất bình đẳng xã hội, biến đổi khí hậu và cạnh tranh kinh tế đòi hỏi sự đoàn kết chặt chẽ hơn bao giờ hết, tránh để lợi ích nhóm làm suy yếu quốc gia. Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục lãnh đạo, nhưng nay với vai trò hướng dẫn đổi mới sáng tạo, kết hợp truyền thống với công nghệ số để huy động thế hệ trẻ và kiều bào tham gia, trong khi liên minh công nông trí thức được bổ sung bởi doanh nhân, nhà khoa học và cộng đồng mạng, tạo nên một Mặt trận đa dạng hơn. Cách thức thực hiện lợi ích chung thời nay trở nên tinh tế hơn, qua các cơ chế dân chủ cơ sở như hội nghị nhân dân, chính sách hỗ trợ nông thôn mới và giáo dục ý thức cộng đồng, đảm bảo mọi người dân đều cảm nhận được lợi ích cụ thể từ sự đoàn kết, từ đó củng cố niềm tin vào đường lối của Đảng và Nhà nước, giúp Việt Nam không chỉ giữ vững thành quả cách mạng mà còn vươn lên mạnh mẽ trong thế giới hiện đại.

Hai là, phải hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nguyên tắc hiệp thương dân chủ chính là nền tảng để Mặt trận dân tộc thống nhất có thể tồn tại và phát triển bền vững. Hiệp thương dân chủ có nghĩa là mọi quyết định trong Mặt trận phải dựa trên sự bàn bạc công khai, cùng nhau trao đổi, tôn trọng ý kiến của mọi thành phần xã hội, từ các giai cấp, tầng lớp, đảng phái, dân tộc cho đến các tôn giáo khác nhau. Ở đây, cái "lợi ích chung" mà Người nhấn mạnh chính là lợi ích cao nhất của dân tộc, của đất nước – độc lập, tự do, hạnh phúc của nhân dân – chứ không phải lợi ích cục bộ của một nhóm hay một tổ chức riêng lẻ. Những lợi ích riêng chính đáng nếu không trái với lợi ích chung đều được tôn trọng, nhưng nếu đi ngược lại thì phải đặt dưới sự điều chỉnh của lợi ích toàn dân.

Mục đích của việc tuân thủ nguyên tắc này là để xây dựng một khối đại đoàn kết thật sự, nơi không một ai bị loại trừ hay bị áp đặt, mà tất cả đều cảm thấy mình là một phần của đại gia

đình dân tộc. Khi mọi người đều có cơ hội bàn bạc và đóng góp, thì đồng thuận sẽ được hình thành, và từ đó, Mặt trận có đủ sức mạnh để tập hợp lực lượng, lãnh đạo nhân dân thực hiện mục tiêu cách mạng chung.

Chính vì vậy, nguyên tắc hiệp thương dân chủ vừa là cách để giải quyết mâu thuẫn lợi ích trong xã hội, vừa là phương thức để ngăn ngừa tình trạng độc đoán, áp đặt hay dân chủ hình thức. Thay vì để những bất đồng riêng lẻ phá vỡ sự thống nhất, hiệp thương dân chủ giúp biến khác biệt thành bổ sung, biến đa dạng thành sức mạnh chung.

Người thực hiện nguyên tắc này trước hết là Đảng và các tổ chức chính trị trong vai trò lãnh đạo, hướng dẫn. Nhưng quan trọng không kém, mọi thành viên của Mặt trận – tức là nhân dân thuộc mọi giai cấp, đảng phái, tôn giáo, dân tộc – đều là chủ thể trực tiếp tham gia. Không thể có đoàn kết thực sự nếu chỉ là sự áp đặt một chiều từ trên xuống; đoàn kết chỉ có giá trị khi được nhân dân tự nguyện gắn bó trên nền tảng lợi ích chung.

Hiệp thương dân chủ trong thực tế chính là sự bàn bạc cởi mở, công khai, nơi mọi người đều có tiếng nói và trách nhiệm. Nó thể hiện ở việc cùng ngồi lại, tìm tiếng nói chung, cùng loại bỏ sự áp đặt hay lợi ích cục bộ, để cuối cùng đạt đến sự nhất trí cao, lấy cái lợi ích của dân tộc làm điểm quy chiếu.

Nếu so với thời kỳ Hồ Chí Minh đặt nền móng cho tư tưởng này, bối cảnh ngày nay có nhiều thay đổi. Trước kia, lợi ích chung tập trung rõ rệt ở mục tiêu độc lập dân tộc và đánh thắng kẻ thù xâm lược, nên hiệp thương dân chủ chủ yếu nhằm quy tụ lực lượng cho sự nghiệp giải phóng. Còn hiện nay, đất nước bước vào thời kỳ hội nhập và phát triển, lợi ích chung cần được hiểu là phát triển bền vững, nâng cao đời sống nhân dân, giữ vững chủ quyền trong điều kiện toàn cầu hóa. Xã hội hiện đại đa dạng và phân hóa lợi ích nhiều hơn, nên hiệp thương dân chủ càng trở thành yêu cầu bức thiết: phải làm sao dung hòa lợi ích kinh tế, chính trị, văn hóa, tôn giáo trong khuôn khổ của lợi ích quốc gia. Chính sự đối thoại, minh bạch, và cơ chế pháp lý vững chắc trong thời nay là biểu hiện cụ thể của nguyên tắc hiệp thương dân chủ mà Hồ Chí Minh đã đặt nền móng.

Ba là, phải đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thật sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Mặt trận dân tộc thống nhất theo tư tưởng Hồ Chí Minh được hiểu là tổ chức chính trị - xã hội rộng rãi, tập hợp các đoàn thể, tổ chức quần chúng, các đảng phái, nhân sĩ trí thức, đồng bào tôn giáo và mọi giai tầng trong xã hội thành một khối đoàn kết chặt chẽ. Mục đích của Mặt trận là phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân để thực hiện mục tiêu cao nhất: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, mang lại tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Hồ Chí Minh khẳng định, Đảng là lực lượng lãnh đạo, giữ vai trò hạt nhân, định hướng đường lối, chủ trương; còn nhân dân là chủ thể tham gia, trực tiếp đóng góp sức lực, trí tuệ, biến chủ trương thành hành động cách mạng cụ thể. Các đoàn thể, tổ chức quần chúng là cầu nối gắn bó mật thiết giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân, đồng thời vận động, thu hút quần chúng tham gia sinh hoạt, hành động trên cơ sở lợi ích chung. Lợi ích chung ấy chính là độc lập dân tộc, dân chủ,

ấm no, hạnh phúc, hòa bình, thống nhất. Nếu như trước đây, sức mạnh đại đoàn kết nhằm chống thực dân, đế quốc và xây dựng chính quyền cách mạng, thì ngày nay, trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, tinh thần đoàn kết tiếp tục được phát huy để khắc phục khó khăn, phát triển kinh tế, giữ vững chủ quyền, nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế. Như vậy, dù ở bất kỳ thời kỳ nào, tư tưởng “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết – Thành công, thành công, đại thành công” của Hồ Chí Minh vẫn là kim chỉ nam, thể hiện sự thống nhất giữa lợi ích dân tộc và lợi ích nhân dân, đưa đất nước tiến lên con đường bền vững.

3. Làm thế nào để giải quyết hài hòa các lợi ích khác biệt trong khối đại đoàn kết này?

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, khối đại đoàn kết dân tộc không phải là sự gò ép hay đồng nhất tuyệt đối, mà là sự kết hợp hài hòa giữa những điểm tương đồng và khác biệt của các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo trong xã hội. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để giải quyết những lợi ích khác nhau đó một cách hợp lý, không để chúng trở thành mâu thuẫn cản trở khối đoàn kết. Trước hết, Người chỉ rõ nguyên tắc hiệp thương dân chủ là cơ sở để dung hòa khác biệt. Mọi vấn đề của Mặt trận phải được đưa ra bàn bạc công khai, chân thành, để các bên cùng nhau tìm được tiếng nói chung. Ở đây, phương châm “cầu đồng tồn dị”¹⁰ có ý nghĩa đặc biệt: lấy cái chung để hạn chế cái riêng, lấy lợi ích chung của dân tộc, đất nước làm điểm tựa để điều chỉnh những lợi ích cá nhân hay cục bộ. Nhờ vậy, sự khác biệt không bị phủ nhận, mà được chấp nhận trong khuôn khổ của lợi ích toàn dân, còn những lợi ích riêng chính đáng thì được tôn trọng và bảo vệ.

Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh tính chất chân thành, lâu dài của đoàn kết. Muốn duy trì khối đoàn kết bền chặt, các thành viên trong Mặt trận phải biết vừa đoàn kết vừa đấu tranh, biết học cái hay của nhau, đồng thời dũng cảm phê bình và tự phê bình trên tinh thần “thân ái, vì nước, vì dân”¹¹. Đây là phương thuốc để điều chỉnh những lệch lạc, hạn chế những biểu hiện đặt lợi ích riêng lên trên lợi ích chung, đồng thời khuyến khích mỗi cá nhân, mỗi tổ chức hoàn thiện mình vì mục tiêu chung. Sự gắn bó lâu dài, chân thành như vậy sẽ tạo dựng lòng tin lẫn nhau, biến những khác biệt thành động lực cho sự phát triển thống nhất.

Trong thực tiễn hiện nay, giải quyết hài hòa lợi ích khác biệt cần được gắn với thể chế dân chủ và pháp quyền. Việc minh bạch chính sách, bảo đảm công bằng trong tiếp cận nguồn lực, đặc biệt là với các dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, chính là cách để khẳng định sự tôn trọng lợi ích chính đáng của mọi thành phần. Cùng với đó, phải phát huy phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”¹², tạo điều kiện để nhân dân tham gia thực chất vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách. Ngoài ra, công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống đoàn kết, ứng dụng công nghệ số để tăng cường đối thoại và hạn chế sự lan truyền của thông tin sai lệch, cũng là những biện pháp quan trọng nhằm củng cố sự đồng thuận xã hội.

¹⁰ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 212.

¹¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 524.

¹² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 698.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về hiệp thương dân chủ và đoàn kết chân thành cung cấp những nguyên tắc nền tảng để dung hòa khác biệt lợi ích trong cộng đồng dân tộc. Được vận dụng sáng tạo trong bối cảnh hiện đại, những nguyên tắc ấy giúp chúng ta vừa tôn trọng đa dạng, vừa bảo vệ lợi ích chung, từ đó giữ vững và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trên con đường xây dựng và phát triển đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, 5, 7 và tập 10, NXB Chính trị quốc gia, 2011.
- [2] Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
- [3] Hồ Chí Minh, *Sửa đổi lối làm việc*, NXB sự thật, Hà Nội, 1947.
- [4] Ban Chấp hành Trung ương. (2023, 24 tháng 11). Nghị quyết số 43-NQ/TW về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Thư viện Pháp luật. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-quyet-43-NQ-TW-2023-truyen-thong-dai-doan-ket>
- [5] Thủ tướng Chính phủ. (2023, 17 tháng 8). Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù. Cổng thông tin Thư viện Pháp luật. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/Quyết-dinh-22-2023-QĐ-TTg-tin-dung-doi-voi-nguoi-chap-hanh-xong-an-phat-tu-576163.aspx>